

**ĐỀ CƯƠNG ÔN KIỂM TRA 1 TIẾT HK2 MÔN ĐỊA LÍ 11**  
**NĂM HỌC 2019-2020**

**I. Trắc nghiệm (7 điểm):**

**Câu 1.** Phần lục địa của Liên Bang Nga tiếp giáp với

- A. 13 quốc gia.                      B. 15 quốc gia.                      **C. 14 quốc gia.**                      D. 17 quốc gia.

**Câu 2.** Đâu là ranh giới tự nhiên để phân chia lãnh thổ châu Âu và châu Á trên đất nước Nga?

- A. Dãy U-ran.**                      B. Sông Ô-bi.                      C. Sông Ê-nit-xây.                      D. Sông A-mua.

**Câu 3.** Hệ thống sông nào sau đây có giá trị về thủy điện và giao thông lớn nhất Liên Bang Nga?

- A. Sông Vôn-ga.**                      B. Sông Lê-na.                      C. Sông Ô-bi.                      D. Sông Ê-nit-xây.

**Câu 4.** Liên bang Nga **không** giáp với

- A. biển Ban Tích.                      B. biển Đen.                      **C. biển Aran.**                      D. biển Caxpi.

**Câu 5.** Nơi tập trung nhiều dầu mỏ và khí tự nhiên của nước Nga là

- A. đồng bằng Đông Âu.                      **B. đồng bằng Tây Xi - bia.**  
C. cao nguyên Trung Xi - bia.                      D. dãy núi U ran.

**Câu 6.** Thế mạnh nổi bật ở đồng bằng Đông Âu của LB Nga là

- A. vùng giàu có về khoáng sản đang được khai thác.  
**B. vùng trồng cây lương thực, thực phẩm và chăn nuôi.**  
C. vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn nhất.  
D. có diện tích đất hoang hóa nhiều đang được cải tạo.

**Câu 7.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí và lãnh thổ Liên Bang Nga?

- A. Liên Bang Nga có diện tích lớn nhất thế giới.  
B. Liên Bang Nga nằm ở cả hai châu lục Á – Âu.  
C. Có đường biên giới và đường bờ biển dài.  
**D. Nằm hoàn toàn trong vùng khí hậu ôn đới.**

**Câu 8.** Nhận định nào **không** đúng về tự nhiên của Liên Bang Nga?

- A. Đại bộ phận đồng bằng nằm ở phía đông.**                      B. Giàu có tài nguyên khoáng sản.  
C. Diện tích rừng đứng đầu thế giới.                      D. Sông ngòi có nhiều giá trị về thủy điện.

**Câu 9.** Nhận định nào đúng về tự nhiên của Liên Bang Nga?

- A. Địa hình đa dạng, thấp ở phía đông, cao ở phía tây.  
B. Khí hậu không có sự khác biệt giữa phía đông và phía tây.  
**C. Là quốc gia có nhiều thế mạnh để phát triển lâm nghiệp.**  
D. Ít thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản.

**Câu 10.** Nhận định nào **không** đúng về dân cư và xã hội của Liên Bang Nga?

- A. Là nước đông dân, tăng nhanh qua các năm.**  
B. Là nước có tiềm lực lớn về khoa học và văn hóa.  
C. Người dân sống chủ yếu ở các thành phố nhỏ và trung bình.  
D. Người Nga chiếm tỉ trọng cao nhất trong thành phần các dân tộc.

**Câu 11.** Thời kì đầy khó khăn và biến động của nền kinh tế Liên Bang Nga là

- A. thập niên 60 của thế kỉ XX.                      B. thập niên 70 của thế kỉ XX.  
C. thập niên 80 của thế kỉ XX.                      **D. thập niên 90 của thế kỉ XX.**

**Câu 12.** Chiến lược nào sau đây **không** phải là chiến lược kinh tế mới của Liên Bang Nga?

- A. Mở rộng ngoại giao.                      **B. Coi trọng châu Âu.**  
C. Nâng cao đời sống nhân dân.                      D. Xây dựng nền kinh tế thị trường.

**Câu 13.** Ngành nào sau đây được coi là xương sống của nền kinh tế Liên Bang Nga?

- A. Nông nghiệp.                      B. Lâm nghiệp.                      **C. Công nghiệp.**                      D. Dịch vụ.

**Câu 14.** Các nông sản chính của Liên Bang Nga là

- A. lúa mì, khoai tây.                      **B. lúa mì, củ cải đường.**  
C. củ cải đường, khoai tây.                      D. lúa gạo, củ cải đường.

**Câu 15.** Vùng nào của Liên Bang Nga có nền kinh tế phát triển và lâu đời nhất?

- A. Vùng Uran.                      B. Vùng Viễn Đông.                      **C. Vùng Trung ương.**                      D. Vùng Trung tâm đất đen.

**Câu 16.** Ngành công nghiệp mang lại nguồn tài chính lớn cho Liên Bang Nga và có sản lượng khai thác đứng hàng đầu thế giới là

- A. công nghiệp chế tạo máy.  
C. công nghiệp điện tử - tin học.

- B. công nghiệp luyện kim đen.  
D. công nghiệp khai thác dầu khí.

**Câu 17.** Lúa mì được trồng nhiều ở

- A. đồng bằng Đông Âu, phía Nam đồng bằng Tây Xibia.  
B. đồng bằng Tây Xibia, cao nguyên Trung Xibia.  
C. cao nguyên Trung Xibia, đồng bằng Đông Âu.  
D. vùng giáp với biển Caxpi, đồng bằng Đông Âu.

**Câu 18.** Bò được nuôi nhiều ở

- A. đồng bằng Tây Xibia và dãy Uran.  
B. dãy Uran và cao nguyên Trung Xibia.  
C. cao nguyên Trung Xibia và đồng bằng Đông Âu.

D. đồng bằng Đông Âu, phía Nam đồng bằng Tây Xibia.

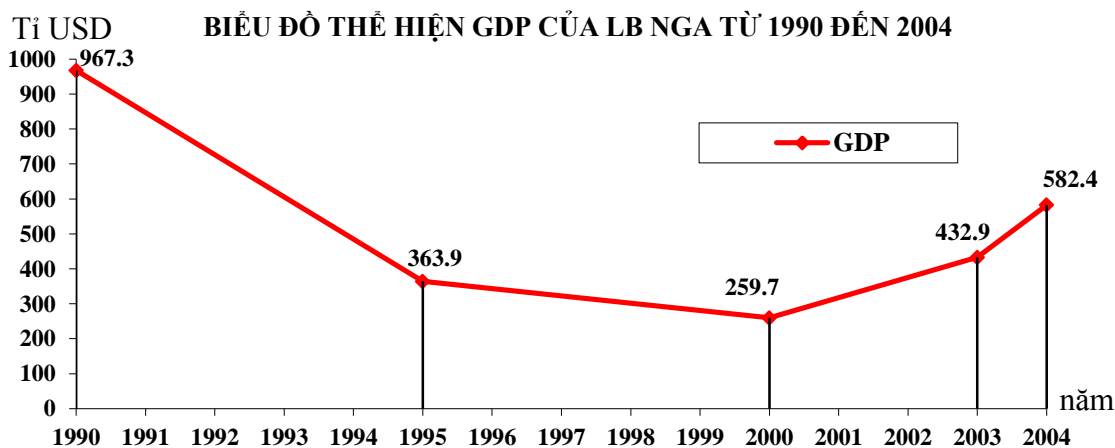
**Câu 19.** Nơi nào sau đây ở Nga có diện tích rừng **không** lớn?

- A. Phần phía Bắc đồng bằng Đông Âu.  
B. Cao nguyên Trung Xibia.  
C. Phần phía Nam đồng bằng Tây Xibia.  
D. Vùng phía Đông của Xibia.

**Câu 20.** Thú có lông quý phân bố chủ yếu ở

- A. dãy núi già Uran.  
B. phía bắc Xibia.  
C. đồng bằng Đông Âu.  
D. đồng bằng Tây Xibia.

**Câu 21.** Cho biểu đồ sau:



Từ biểu đồ cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. GDP của LB Nga tăng giảm không ổn định.  
B. Từ năm 2000 - 2004 GDP liên tục tăng.  
C. Từ năm 1990 - 2000 GDP của Nga giảm.  
D. Từ năm 1990 - 2004: GDP liên tục tăng.

**Câu 22.** Cho bảng số liệu:

GDP CỦA LB NGA TỪ NĂM 1990 – 2004 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2003	2004
GDP	967,3	363,9	259,7	423,9	582,4

Từ bảng số liệu trên có thể vẽ được những dạng biểu đồ nào?

- A. Cột hoặc đường.  
B. Đường hoặc miền.  
C. Miền hoặc tròn.  
D. Cột hoặc miền.

**Câu 23.** Liên Bang Nga giáp các đại dương

- A. Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương.  
B. Đại Tây Dương, Thái Bình Dương.  
C. Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương.  
D. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương.

**Câu 24.** Sông nào được xem là ranh giới tự nhiên của phần phía Đông và phần phía Tây Liên Bang Nga?

- A. Vôn-ga.  
B. Ô-bi.  
C. Ê-nit-xây.  
D. Lê-na.

**Câu 25.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ của Liên Bang Nga?

- A. Có đủ các loại hình giao thông vận tải.  
B. Kinh tế đối ngoại là ngành khá quan trọng.  
C. Các ngành dịch vụ đang phát triển mạnh.  
D. Hệ thống thông tin hiện đại nhất thế giới.

**Câu 26.** Nhật Bản nằm ở khu vực

- A. Đông Á.  
B. Nam Á.  
C. Bắc Á.  
D. Tây Á.

**Câu 27.** Đảo chiếm phần lớn diện tích đất nước Nhật Bản là

- A. Hô – cai – đô.      **B. Hôn – su.**      C. Xi – cô – cu.      D. Kiu – xiu.

**Câu 28.** Nhận định nào **không** đúng về tự nhiên Nhật Bản?

- A. Là nơi có nhiều dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.  
**B. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, mưa nhiều.**  
C. Nhiều thiên tai xảy ra như động đất, núi lửa, bão.  
D. Là đất nước nghèo tài nguyên khoáng sản.

**Câu 29.** Nguyên nhân quan trọng nhất tạo cho Nhật Bản có nguồn hải sản phong phú là

- A. Nhật Bản là quốc gia quần đảo.  
B. tiếp giáp với các biển, đại dương.  
**C. là nơi gặp nhau của các dòng biển nóng và lạnh.**  
D. nơi đây có khí hậu gió mùa, mưa nhiều.

**Câu 30.** Nhận định nào **không** đúng về đặc điểm dân cư của Nhật Bản?

- A. Tỷ lệ người già trong dân cư ngày càng cao.  
**B. Phần lớn dân cư tập trung ở nông thôn.**  
C. Lao động cần cù, tinh thần trách nhiệm cao.  
D. Là nước đông dân, tỉ lệ gia tăng dân số thấp.

**Câu 31.** Biện pháp nào **không** góp phần làm cho kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh chóng?

- A. Tăng vốn đầu tư.      B. HĐH nông nghiệp.  
C. Áp dụng kĩ thuật mới.      **D. Bỏ cơ cấu kinh tế 2 tầng.**

**Câu 32.** Ngành công nghiệp nào là khởi nguồn của Nhật Bản ở thế kỉ XIX?

- A. CN dệt.**      B. CNSX ô tô.      C. CN chế tạo rô – bốt.      D. CNSX tàu biển.

**Câu 33.** Nhận định nào đúng về cơ cấu các ngành kinh tế trong GDP của Nhật Bản?

- A. Ngành CN đóng vai trò quan trọng nhất.  
B. Ngành NN đóng vai trò quan trọng nhất.  
**C. Ngành DV đóng vai trò quan trọng nhất.**  
D. Các ngành kinh tế đều có vai trò quan trọng như nhau.

**Câu 34.** Nhận định nào **không** đúng về tình hình phát triển ngành nông nghiệp của Nhật Bản?

- A. Lúa mì là cây trồng chính.**      B. Chăn nuôi tương đối phát triển.  
C. Phát triển theo hướng thâm canh.      D. Diện tích đất nông nghiệp ít.

**Cho bảng số liệu:**

**CƠ CẤU DÂN SỐ THEO ĐỘ TUỔI CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM ( đơn vị: %)**

Năm	1950	1970	1997	2005	2010	2014	Dự báo 2025
Dưới 15 tuổi	35,4	23,9	15,3	13,9	13,3	12,9	11,7
Từ 15-65 tuổi	59,6	69,0	69,0	66,9	63,8	60,8	60,1
Trên 65 tuổi	5,0	7,1	15,7	19,2	22,9	26,3	28,2

**Trả lời câu hỏi 35- 38**

**Câu 35.** Theo bảng trên, nhận xét nào đúng về cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản?

- A. Cơ cấu dân số theo tuổi của Nhật Bản tương đối ổn định qua các năm  
B. Tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi chiếm thấp nhất và có xu hướng ngày càng tăng.  
C. Tỷ trọng dân số từ 15 đến 65 tuổi chiếm cao nhất và có xu hướng ngày càng tăng.  
**D. Tỷ trọng dân số trên 65 tuổi đang có xu hướng tăng nhanh và liên tục qua các năm.**

**Câu 36.** Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản giai đoạn 1950 – 2025 là

- A. miền.**      B. tròn.      C. cột.      D. đường.

**Câu 37.** Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản qua 2 năm 1950 và 2014 là

- A. miền.      **B. tròn.**      C. đường.      D. cột.

**Cho bảng số liệu:**

**GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP, KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM** (Đơn vị: Tỷ đôla)

Năm	1990	2000	2010	2015
Xuất khẩu	287,6	479,2	769,8	624,8
Nhập khẩu	235,4	379,5	692,4	648,3

**Trả lời câu hỏi 38 - 41**

**Câu 38.** Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2015 là

A. miền. B. tròn. C. cột. D. đường.

**Câu 39.** Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi quy mô và cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua 2 năm 1990 và 2015 là

A. miền. B. tròn. C. cột. D. đường.

**Câu 40.** Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản thời kì 1990 – 2015 là

A. miền. B. tròn. C. cột. D. đường.

**Câu 41.** Theo bảng số liệu trên, Nhật Bản có cán cân thương mại nhỏ nhất vào năm nào?

A. 1990. B. 2000. C. 2010. D. 2015.

**II. TỰ LUẬN(3 điểm)**

**Cho bảng số liệu:**

**GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP, KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM** (Đơn vị: Tỷ đôla)

Năm	1990	2000	2010	2015
Xuất khẩu	287,6	479,2	769,8	624,8
Nhập khẩu	235,4	379,5	692,4	648,3

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990-2015

b. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi quy mô và cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua 2 năm 1990 và 2015.

c. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản thời kì 1990-2015.

d. Nhận xét biểu đồ, bảng số liệu và giải thích.

**\* NHẮC NHỞ:**

- HS ôn tập kĩ đề cương khi đi học lại sẽ kiểm tra 1 tiết (7 điểm trắc nghiệm và 3 điểm tự luận).

- Khi ôn HS làm bài tập tự luận vào vở học → GV sẽ chấm vở bổ sung các cột miệng hoặc 15 phút.